

Họ tên học sinh: Lớp:

PHIẾU TRẢ LỜI: Học sinh dùng tích vào đáp án đúng, **không khoanh vào đề**

Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D
1	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	11	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	21	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	12	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	22	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	13	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	23	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	14	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	24	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	15	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	25	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	16	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	26	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	17	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	27	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	18	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	28	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	19	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>					
10	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	20	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>					

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm)

Câu 1. Đặc điểm **không** đúng về lãnh hải nước ta là

- A. có chiều rộng 12 hải lí, song song cách đều đường cơ sở.
- B. kéo dài đến độ sâu khoảng 200m ngoài khơi.
- C. ranh giới ngoài được coi là đường biên giới quốc gia trên biển.
- D. thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.

Câu 2. Hiện nay, vùng chịu lụt úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là

- A. duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. vùng trũng ở Bắc Trung Bộ.
- C. vùng châu thổ sông Hồng.
- D. đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3. Hiện tượng thời tiết đặc sắc nhất vào thời kì mùa đông ở Bắc Bộ là

- A. mưa phùn.
- B. mưa rào.
- C. mưa ngâu.
- D. mưa đá.

Câu 4. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc mang sắc thái

- A. cận xích đạo gió mùa.
- B. nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. cận nhiệt gió mùa.
- D. xích đạo gió mùa.

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây **không** phải là mặt mạnh của nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông - lâm - thủy sản.
- B. Có khả năng tiếp thu nhanh các thành tựu khoa học kĩ thuật.
- C. Chất lượng nguồn lao động đang được nâng lên.
- D. Có tác phong công nghiệp và kỉ luật lao động cao.

Câu 6. Ý nào dưới đây **không** đúng với chế độ nhiệt của nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước đều lớn hơn 20°C (trừ các vùng núi cao).
- B. Vào mùa hạ, ở cùng độ cao địa hình, nền nhiệt độ tương đối đồng đều trên cả nước.
- C. Những nơi chịu tác động của gió mùa Đông Bắc sẽ có biên độ nhiệt cao hơn.
- D. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần khi đi từ Nam ra Bắc.

Câu 7. Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm là

- A. kéo dài liên tục trong 3 tháng.
- B. kéo dài liên tục trong 2 tháng.
- C. cường độ mạnh lên vào nửa cuối mùa đông.
- D. không liên tục mà chỉ xuất hiện từng đợt.

Câu 8. Ở miền Nam, đai nhiệt đới gió mùa phân bố đến độ cao

- A. 900 - 1000m.
- B. dưới 600 - 700m.
- C. trên 2600m.
- D. 1600 - 1700m.

Câu 9. Ý nào *không* đúng với đặc điểm phân bố dân cư của nước ta?

- A. Không đều giữa đồng bằng với trung du - miền núi.
- B. Mật độ dân số ở nông thôn cao hơn so với đô thị.
- C. Dân cư tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn.
- D. Tỷ lệ dân thành thị của nước ta ngày càng tăng cao.

Câu 10. Để đẩy mạnh phát triển kinh tế ở miền núi thì cơ sở hạ tầng đầu tiên cần phải chú ý là

- A. phát triển mạng lưới giao thông vận tải.
- B. xây dựng mạng lưới y tế, giáo dục.
- C. cung cấp nhiều lao động và lương thực, thực phẩm.
- D. mở rộng diện tích trồng rừng và bảo vệ rừng.

Câu 11. Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng bị suy giảm chủ yếu là do

- A. phá rừng để lấy đất ở.
- B. phá rừng để mở rộng diện tích.
- C. phá rừng để khai thác gỗ củi.
- D. ô nhiễm môi trường đất và nước.

Câu 12. Một trong những đặc điểm cơ bản về tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất nước ta.
- B. địa hình cao, các dãy núi xen kẽ thung lũng sông hướng tây bắc – đông nam.
- C. đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi lớn hướng vòng cung.
- D. khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

- A. Sông Đồng Nai.
- B. Sông Cửu Long.
- C. Sông Cả.
- D. Sông Hồng.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho tài nguyên đất của nước ta bị thoái hoá?

- A. Sức ép của dân số và sử dụng đất không hợp lí kéo dài.
- B. Tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. Có sự khác biệt lớn giữa các vùng về vốn đất.
- D. Địa hình đồi núi chiếm hơn 3/4 diện tích đất nước.

Câu 15. Vấn đề quan trọng nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước ở nước ta hiện nay là

- A. thiếu nước trong mùa khô và ngập lụt vào mùa mưa.
- B. lũ lụt trong mùa mưa và ô nhiễm nguồn nước sông.
- C. ô nhiễm nguồn nước, nguồn nước ngầm có nguy cơ cạn kiệt.
- D. lượng nước phân bố không đều giữa các mùa và các vùng.

Câu 16. Bão ở đồng bằng ven biển miền Trung tập trung nhiều nhất vào tháng IX chủ yếu do ảnh hưởng của

- A. gió mùa Tây Nam.
- B. dải hội tụ nhiệt đới.
- C. Tín phong bán cầu Bắc.
- D. gió mùa Đông Bắc.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp với Trung Quốc?

- A. Lạng Sơn. B. Yên Bái. C. Cao Bằng. D. Lai Châu.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp biển?

- A. Quảng Ninh. B. Thanh Hoá.
C. Ninh Thuận. D. Hậu Giang.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, phần lớn diện tích đất mặn ở nước ta tập trung ở vùng

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải miền Trung.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, Việt Nam nhập khẩu từ các nước và vùng lãnh thổ có giá trị trên 6 tỉ USD là

- A. Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan và Xingapo.
B. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ôxtrâylia và Ấn Độ.
C. Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc và Liên bang Nga.
D. Nhật Bản, Xingapo, Hoa Kỳ và Hàn Quốc.

Câu 21. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, các trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia (năm 2007) của nước ta là

- A. Hà Nội, Hạ Long, Huế, TP Hồ Chí Minh.
B. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.
C. Hà Nội, Hạ Long, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.
D. Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh.

Câu 22. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết so với cả nước, GDP của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2007 chiếm bao nhiêu phần trăm?

- A. 5,1%. B. 6,1%. C. 7,1%. D. 8,1%.

Câu 23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết nhận định nào sau đây **không** đúng về cơ cấu GDP phân theo ngành của ba vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ)?

- A. Ngành dịch vụ ở vùng KTTĐ phía Bắc có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.
B. Ngành công nghiệp và xây dựng ở vùng KTTĐ phía Nam có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.
C. Ngành nông, lâm, thủy sản ở vùng KTTĐ miền Trung có tỉ lệ cao nhất trong ba vùng.
D. Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có quy mô GDP lớn nhất.

Câu 24. Cho bảng số liệu:

Diện tích, dân số theo các vùng ở nước ta năm 2014

Vùng	Diện tích (km ²)	Dân số (nghìn người)
Cả nước	331 051,4	90728,9
TD&MN Bắc Bộ	101 437,8	12 866,9
ĐBSH	14 964,1	19 505,8
Bắc Trung Bộ	51 524,6	10 405,2
DHNTB	44 360,7	9117,5
Tây Nguyên	54 640,6	5525,8
Đông Nam Bộ	23 605,2	15 790,3
ĐBSCL	140 518,5	17 517,6

Dựa vào kết quả xử lí số liệu từ bảng trên, cho biết vùng nào có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng, 1104 người/km².
- B. Đồng bằng sông Hồng, 1304 người/km².
- C. Đông Nam Bộ, 1669 người/km².
- D. Đồng bằng sông Cửu Long, 1340 người/km².

Câu 25. Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ dân thành thị của nước ta (Đơn vị: %)

Năm	2005	2009	2010	2014	2015	2016
Tỉ lệ	27,1	29,7	30,5	33,1	33,9	34,5

Từ số liệu ở bảng trên, hãy cho biết trong giai đoạn 2005 -2016, tỉ lệ dân thành thị của nước ta tăng thêm bao nhiêu %?

- A. 5,4%.
- B. 6,4%.
- C. 7,4%.
- D. 8,4%.

Câu 26. Cho bảng số liệu sau

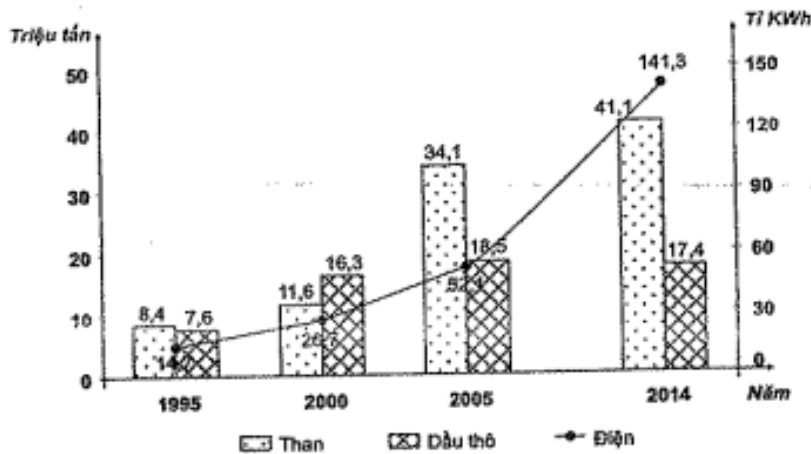
Dân số và dân số thành thị nước ta giai đoạn 1995 - 2014 (Đơn vị: triệu người)

Năm	1995	2000	2005	2010	2014
Tổng dân số	72,0	77,6	82,4	86,9	90,7
Dân số thành thị	14,9	18,7	22,3	26,5	30,0

Để thể hiện tình hình phát triển dân số của nước ta trong giai đoạn 1995 - 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột chồng.
- B. Miền.
- C. Tròn.
- D. Kết hợp.

Câu 27. Cho biểu đồ sau

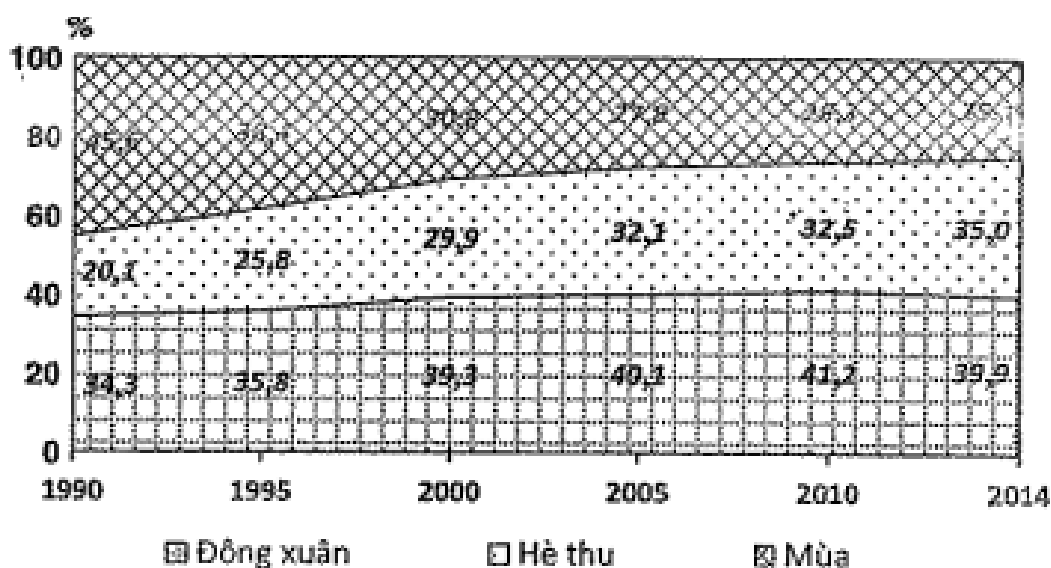


Sản lượng than, dầu thô và điện ở nước ta giai đoạn 1995 - 2014

Căn cứ vào biểu đồ đã cho, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng một số sản phẩm của ngành công nghiệp năng lượng ở nước ta?

- A. Sản lượng điện có tốc độ tăng trưởng cao nhất so với hai mặt hàng còn lại.
- B. Giai đoạn 2000-2005 sản lượng than tăng nhanh và tăng chậm trong giai đoạn 2005-2014.
- C. Sản lượng dầu thô luôn thấp hơn sản lượng than và tăng ổn định.
- D. Sản lượng dầu thô có dấu hiệu giảm trong giai đoạn 2005 - 2014.

Câu 28. Cho biểu đồ:



Biểu đồ đã cho thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu diện tích gieo trồng lúa phân theo các vụ ở nước ta trong giai đoạn 1990 - 2014.
- B. Tình hình phát triển diện tích gieo trồng lúa phân theo các vụ ở nước ta trong giai đoạn 1990 - 2014.
- C. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng lúa phân theo vụ ở nước ta trong giai đoạn 1990 - 2014.
- D. Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng lúa phân theo các vụ ở nước ta trong giai đoạn 1990 - 2014.

II. PHÂN TỰ LUẬN (3 điểm)

Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản của Việt Nam giai đoạn 1990 – 2013

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	1990	1995	2000	2007	2013
Sản lượng khai thác	728,5	1195,3	1660,9	2074,5	6019,7
Sản lượng nuôi trồng	162,1	389,1	589,6	1182,3	2803,8

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản của nước ta qua các năm.
2. Qua bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ, hãy rút ra những nhận xét cần thiết.

-----Hết-----